

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 2**MÔN: TIẾNG ANH 9 FRIENDS PLUS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****HƯỚNG DẪN GIẢI****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

1. B	7. C	13. C	19. B	25. C	31. B
2. A	8. A	14. A	20. B	26. B	32. A
3. A	9. C	15. D	21. C	27. A	33. B
4. B	10. C	16. A	22. C	28. A	34. A
5. B	11. B	17. C	23. A	29. C	35. A
6. C	12. D	18. A	24. B	30. A	36. D

37. will be carried out by Dr. Stevens next month

38. built Wembley Stadium to replace

39. he would give us a call the next day

40. why she was crying

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**Bài nghe 1**

1. Good afternoon, and welcome to Hollywood, California. I hope you all enjoy today's tour of the houses of the stars. Here we go! Now remember, you can buy photos of all the stars' houses when the tour is over, so please don't take any pictures during the tour, okay? Up on the left is the gorgeous mansion where Marilyn Monroe lived. After she got married, she left this house and moved to New York to live with her husband, a famous American baseball player named Joe Di Maggio. Now, just around the corner you'll see a bright yellow house. Can you see it? Up on the hill? This is where James Dean lived. Finally, do you see that big iron gate on the right? Well, this is the entrance to Arnold Schwarzenegger's house. Unfortunately, you can't see the house from here, and we're not allowed to go inside the gate.

2. We're starting our tour by going up the tallest building in New York City: the Empire State Building. You can see the whole city from the top of this building. While you're up there, don't forget to look at the Statue of Liberty through the telescope, since we don't visit it on this tour. Next, we'll take the bus uptown to beautiful Central Park. I know the bus doesn't sound very glamorous, but I promise you, it's just as fast as taking a taxi. When we get to Central Park, we'll visit the petting zoo and have a picnic lunch. Finally, we'll walk to another famous place: Rockefeller Center. In the winter, people go there to ice skate on the famous outdoor rink. Of course, there won't be any ice on a hot summer day like today, but there's a very nice photograph of the rink for sale at the gift shop.

3. Welcome to Kathmandu, Nepal! As you all know, the country of Nepal has some really tall mountains, including the world's tallest mountain, Mt. Everest. But here in the capital city, Kathmandu, the mountains

are almost always covered by clouds. So I'm afraid we probably won't be seeing Mt. Everest today. However, we are going to visit an exciting market in the center of town where you can buy all kinds of souvenirs, including beautiful wool sweaters at really great prices. As we go through the market, though, please don't eat any of the food offered to you on the street. It looks delicious, but it might not be healthy. After visiting the market, we'll take a taxi to Pashupati Temple. This is one of the most important temples for the people of India and Nepal. Unfortunately, because we do not belong to their religion, we won't be able to go inside the temple. We can still look and touch the beautiful statues outside it, though!

4. Welcome to Buenos Aires, Argentina! This morning, I am going to introduce to you many of Buenos Aires' famous sites. And after our tour, you will be free to explore the city on your own. First, we are going to visit the parks and gardens of the Recoleta neighborhood. Here, we will get off the bus and walk around to enjoy this beautiful area close up. We will also stop at the Recoleta Cemetery, where many of Argentina's famous people are buried. We'll visit the grave of Eva Peron, Argentina's first lady from 1946 to 1952. Feel free to take photos of the famous graves. Next, we'll make a stop at the Latin American Art Museum in the Palermo neighborhood. Here, you will see many excellent examples of Latin American art from the 19th and 20th centuries. We won't have time to visit the museum gift shop, though, but we will be visiting an open-air market, where you will be able to find many locally made items.

Tạm dịch

1.

Chào buổi chiều, và chào mừng các bạn đến với Hollywood, California. Tôi hy vọng tất cả các bạn sẽ tận hưởng chuyến tham quan hôm nay đến những ngôi nhà của các ngôi sao. Bắt đầu thôi! Bây giờ, xin hãy nhớ rằng các bạn có thể mua ảnh chụp tất cả những ngôi nhà của các ngôi sao sau khi kết thúc chuyến tham quan, vì vậy xin đừng chụp hình trong lúc tham quan, được chứ? Phía bên trái là dinh thự lộng lẫy nơi Marilyn Monroe từng sống. Sau khi kết hôn, cô ấy đã rời khỏi ngôi nhà này và chuyển đến New York để sống cùng chồng — một cầu thủ bóng chày nổi tiếng người Mỹ tên là Joe Di Maggio. Bây giờ, ngay góc kia các bạn sẽ thấy một ngôi nhà màu vàng tươi. Các bạn có thấy không? Trên đồi ấy. Đây là nơi James Dean từng sống. Cuối cùng, các bạn có thấy cánh cổng sắt lớn bên phải không? Đó chính là lối vào nhà của Arnold Schwarzenegger. Rất tiếc, từ đây các bạn sẽ không nhìn thấy được ngôi nhà, và chúng ta cũng không được phép vào bên trong cổng.

2.

Chúng ta sẽ bắt đầu chuyến tham quan bằng cách đi lên tòa nhà cao nhất thành phố New York: Tòa nhà Empire State. Từ đỉnh của tòa nhà này, bạn có thể nhìn thấy toàn cảnh thành phố. Khi ở trên đó, đừng quên nhìn Tượng Nữ thần Tự do qua ống nhòm, vì chúng ta sẽ không ghé thăm nơi đó trong chuyến đi này. Tiếp theo, chúng ta sẽ đi xe buýt lên phía bắc thành phố đến Công viên Trung tâm (Central Park) xinh đẹp. Tôi biết rằng đi xe buýt nghe có vẻ không sang trọng lắm, nhưng tôi hứa với các bạn, nó nhanh không kém gì taxi đâu. Khi đến Công viên Trung tâm, chúng ta sẽ tham quan sở thú nhỏ và ăn trưa dã ngoại. Cuối cùng, chúng ta sẽ đi bộ đến một địa điểm nổi tiếng khác: Trung tâm Rockefeller. Vào mùa đông, mọi người đến đây để

trượt băng trên sân băng ngoài trời nổi tiếng. Tất nhiên, sẽ không có băng vào một ngày hè nóng nực như hôm nay, nhưng có một bức ảnh rất đẹp về sân băng được bày bán tại cửa hàng lưu niệm.

3.

Chào mừng các bạn đến Kathmandu, Nepal! Như các bạn đã biết, đất nước Nepal có nhiều ngọn núi rất cao, bao gồm cả ngọn núi cao nhất thế giới – đỉnh Everest. Nhưng ở thủ đô Kathmandu này, các ngọn núi hầu như lúc nào cũng bị mây che phủ. Vì vậy, e rằng hôm nay chúng ta sẽ không thể nhìn thấy đỉnh Everest.

Tuy nhiên, chúng ta sẽ ghé thăm một khu chợ rất thú vị nằm ngay trung tâm thành phố, nơi các bạn có thể mua đủ loại quà lưu niệm, bao gồm cả những chiếc áo len bằng len rất đẹp với giá cực kỳ phải chăng.

Tuy nhiên, khi chúng ta đi qua khu chợ, xin đừng ăn bất kỳ món ăn nào được mời trên đường phố. Trông thì ngon đấy, nhưng có thể không đảm bảo vệ sinh. Sau khi tham quan khu chợ, chúng ta sẽ đi taxi đến Đền Pashupati. Đây là một trong những ngôi đền quan trọng nhất đối với người dân Ấn Độ và Nepal. Rất tiếc là vì chúng ta không theo tôn giáo của họ, nên sẽ không được phép vào bên trong ngôi đền. Tuy vậy, chúng ta vẫn có thể ngắm nhìn và chạm vào những bức tượng tuyệt đẹp bên ngoài!

4.

Chào mừng các bạn đến Buenos Aires, Argentina! Sáng nay, tôi sẽ giới thiệu cho các bạn nhiều địa điểm nổi tiếng của Buenos Aires. Và sau chuyến tham quan, các bạn sẽ có thời gian tự do khám phá thành phố. Đầu tiên, chúng ta sẽ ghé thăm các công viên và khu vườn ở khu phố Recoleta. Tại đây, chúng ta sẽ xuống xe buýt và đi bộ xung quanh để tận hưởng vẻ đẹp của khu vực này một cách gần gũi hơn. Chúng ta cũng sẽ dừng lại tại nghĩa trang Recoleta, nơi yên nghỉ của nhiều nhân vật nổi tiếng của Argentina. Chúng ta sẽ ghé thăm mộ của Eva Peron – đệ nhất phu nhân của Argentina từ năm 1946 đến 1952. Các bạn có thể thoải mái chụp ảnh các ngôi mộ nổi tiếng. Tiếp theo, chúng ta sẽ ghé thăm Bảo tàng Nghệ thuật Mỹ Latinh nằm ở khu phố Palermo. Tại đây, các bạn sẽ được chiêm ngưỡng nhiều tác phẩm nghệ thuật xuất sắc của Mỹ Latinh từ thế kỷ 19 và 20. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không có thời gian để vào cửa hàng quà lưu niệm của bảo tàng, nhưng bù lại, chúng ta sẽ đến một khu chợ ngoài trời, nơi các bạn có thể tìm thấy nhiều mặt hàng thủ công địa phương.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

1. B

People can take pictures of the stars' houses.

(Mọi người có thể chụp ảnh nhà của các ngôi sao.)

Thông tin: Now remember, you can buy photos of all the stars' houses when the tour is over, so please don't take any pictures during the tour, okay

(Bây giờ hãy nhớ rằng, bạn có thể mua ảnh của tất cả các ngôi nhà của các ngôi sao khi chuyến tham quan kết thúc, vì vậy xin đừng chụp bất kỳ bức ảnh nào trong suốt chuyến tham quan, được không)

Chọn B

2. A

People can buy a photo of the ice rink.

(Mọi người có thể mua một bức ảnh về sân trượt băng.)

Thông tin: there won't be any ice on a hot summer day like today, but there's a very nice photograph of the rink for sale at the gift shop.

(sẽ không có băng vào một ngày hè nóng nực như hôm nay, nhưng có một bức ảnh rất đẹp về sân trượt băng được bán tại cửa hàng quà tặng.)

Chọn A

3. A

People can buy many kinds of souvenirs.

(Mọi người có thể mua nhiều loại đồ lưu niệm.)

Thông tin: we are going to visit an exciting market in the center of town where you can buy all kinds of souvenirs, including beautiful wool sweaters at really great prices.

(chúng ta sẽ đến thăm một khu chợ thú vị ở trung tâm thị trấn, nơi bạn có thể mua đủ loại đồ lưu niệm, bao gồm cả áo len len đẹp với giá thực sự tuyệt vời.)

Chọn A

4. B

People can't take pictures of the graves.

(Mọi người không được chụp ảnh các ngôi mộ.)

Thông tin: Feel free to take photos of the famous graves.

(Hãy thoải mái chụp ảnh các ngôi mộ nổi tiếng.)

Chọn B

Bài nghe 2

Man: So, what do you want to do tomorrow?

Woman: Well, let's look at the city guide here.

Man: Okay.

Woman: Um, here's something interesting.

Man: Oh. Why don't we first visit the art museum in the morning?

Woman: Okay, I like that idea.

Man: And where do you want to eat lunch?

Woman: How about going to an Indian restaurant? The guide recommends one downtown a few blocks from the museum.

Man: Now, that sounds great. And after that, what do you think about visiting the zoo?

Woman: Um, well...

Man: Well, it says here there are some very unique animals not found anywhere else.

Woman: Well, to tell you the truth, I'm not really interested in going there.

Man: Really?

Woman: Yeah. Why don't we go shopping instead? There's supposed to be some really nice places to pick up souvenirs.

Man: I don't think that's a good idea. We only have a few traveler's checks left and I only have \$50 left in cash.

Woman: No problem. We can use your credit card to pay for my new clothes.

Man: Oh no, I remember the last time you used my credit card for your purchases.

Woman: Oh well. Let's take the subway down to the seashore and walk along the beach.

Man: Now that sounds like a wonderful plan.

Tam dịch

Người đàn ông: *Vậy, ngày mai bạn muốn làm gì?*

Người phụ nữ: *Được, chúng ta hãy xem hướng dẫn thành phố ở đây.*

Người đàn ông: *Được.*

Người phụ nữ: *Ừm, có một điều thú vị đây.*

Người đàn ông: *Ồ. Tại sao chúng ta không đến thăm bảo tàng nghệ thuật vào buổi sáng nhỉ?*

Người phụ nữ: *Được, tôi thích ý tưởng đó.*

Người đàn ông: *Và bạn muốn ăn trưa ở đâu?*

Người phụ nữ: *Thế còn đi đến một nhà hàng Ấn Độ thì sao? Hướng dẫn viên giới thiệu một nhà hàng ở trung tâm thành phố cách bảo tàng vài dãy nhà.*

Người đàn ông: *Nghe có vẻ tuyệt. Và sau đó, bạn nghĩ sao về việc ghé thăm sở thú?*

Người phụ nữ: *Ừm, ừm...*

Người đàn ông: *Ồ, ở đây có ghi là có một số loài động vật rất độc đáo không tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác.*

Người phụ nữ: *Ồ, nói thật thì tôi không thực sự hứng thú đến đó.*

Người đàn ông: *Thật sao?*

Người phụ nữ: *Ừ. Tại sao chúng ta không đi mua sắm nhỉ? Có một số nơi thực sự đẹp để mua quà lưu niệm.*

Người đàn ông: *Tôi không nghĩ đó là một ý kiến hay. Chúng ta chỉ còn lại một vài tấm séc du lịch và tôi chỉ còn 50 đô la tiền mặt.*

Người phụ nữ: *Không vấn đề gì. Chúng ta có thể dùng thẻ tín dụng của bạn để thanh toán cho quần áo mới của tôi.*

Người đàn ông: *Ồ không, tôi nhớ lần cuối anh dùng thẻ tín dụng của tôi để mua sắm.*

Người phụ nữ: *Ồ, được thôi. Chúng ta hãy đi tàu điện ngầm xuống bờ biển và đi bộ dọc bãi biển.*

Người đàn ông: *Nghe có vẻ là một kế hoạch tuyệt vời.*

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.

- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

5. B

Where are they planning to go in the morning?

(Họ định đi đâu vào buổi sáng?)

A. to a park

(đến công viên)

B. to an art museum

(đến bảo tàng nghệ thuật)

C. to a shopping center

(đến trung tâm mua sắm)

Thông tin: Why don't we first visit the art museum in the morning?

(Tại sao chúng ta không đến bảo tàng nghệ thuật vào buổi sáng?)

Chọn B

6. C

What kind of restaurant do they want to visit for lunch?

(Họ muốn đến nhà hàng nào để ăn trưa?)

A. Italian

(Ý)

B. Indonesian

C. Indian

(Ấn Độ)

Thông tin: How about going to an Indian restaurant? The guide recommends one downtown a few blocks from the museum.

(Thế còn việc đến một nhà hàng Ấn Độ thì sao? Hướng dẫn viên giới thiệu một nhà hàng ở trung tâm thành phố cách bảo tàng vài dãy nhà.)

Chọn C

7. C

Why does the man want to visit the zoo in the afternoon?

(Tại sao người đàn ông muốn đến thăm sở thú vào buổi chiều?)

A. The zoo will be closed the rest of the week.

(Sở thú sẽ đóng cửa vào các ngày còn lại trong tuần.)

B. The zoo is free to visitors that day only.

(Sở thú chỉ mở cửa miễn phí cho du khách vào ngày hôm đó.)

C. There are unusual animals on display.

(Có những loài động vật lạ được trưng bày.)

Thông tin: it says here there are some very unique animals not found anywhere else.

(ở đây có một số loài động vật rất độc đáo không tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác.)

Chọn C

8. A

Why does the woman want to go shopping instead?

(Tại sao người phụ nữ lại muốn đi mua sắm thay vào đó?)

A. She wants to buy mementos of their visit.

(Cô ấy muốn mua đồ lưu niệm về chuyến thăm của họ.)

B. She saw some great prices at a shopping center.

(Cô ấy thấy một số mức giá tuyệt vời tại một trung tâm mua sắm.)

C. She wants to buy a gift for her friend.

(Cô ấy muốn mua quà tặng cho bạn mình.)

Thông tin: Why don't we go shopping instead? There's supposed to be some really nice places to pick up souvenirs.

(Tại sao chúng ta không đi mua sắm thay vào đó? Có một số nơi thực sự đẹp để mua đồ lưu niệm.)

Chọn A

9. C

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. stadium /'steɪ.di.əm/

B. skatepark /'sket.pɑ:k/

C. cathedral /kə'thi:.drəl/

D. location /ləʊ'keɪ.ʃən/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /ə/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/.

Chọn C

10. C

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. exchange /ɪks'tʃeɪndʒ/

B. charming /'tʃɑː.mɪŋ/

C. machine /mə'ʃiːn/

D. attach /ə'tætʃ/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /ʃ/, các phương án còn lại phát âm /tʃ/.

Chọn C

11. B

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.
- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nháy trên ngay trước âm tiết.
- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. railway /'reɪl.weɪ/ => trọng âm 1

B. oasis /əʊ'eɪ.sɪs/ => trọng âm 2

C. leisure /'leɪʒ.ər/ => trọng âm 1

D. tourist /'tuə.rɪst/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

12. D

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.
- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nháy trên ngay trước âm tiết.
- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. injection /ɪn'dʒek.ʃən/ => trọng âm 2

B. performance /pə'fɔː.məns/ => trọng âm 2

C. mosquito /mə'skiː.təʊ/ => trọng âm 2

D. accident /'æk.sɪ.dənt/ => trọng âm 1

Phương án D có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D

13. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

The pavilion would include a theatre-in-the-round with seating _____ for about 2,000.

(Nhà triển lãm sẽ bao gồm một nhà hát hình tròn có _____ chỗ ngồi khoảng 2.000 người.)

Lời giải chi tiết:

A. capability (n): khả năng

B. ability (n): khả năng

C. capacity (n): sức chứa

D. inability (n): không có khả năng

Câu hoàn chỉnh: The pavilion would include a theatre-in-the-round with seating **capacity** for about 2,000.

(Nhà triển lãm sẽ bao gồm một nhà hát hình tròn có sức chứa chỗ ngồi khoảng 2.000 người.)

Chọn C

14. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Archaeologists are _____ the burial site. Surprisingly, they have found fragments of Iron Age pottery.

(Các nhà khảo cổ học đang _____ địa điểm chôn cất. Thật ngạc nhiên, họ đã tìm thấy những mảnh đồ gốm thời kỳ đồ sắt.)

Lời giải chi tiết:

A. excavating (v): khai quật

B. restoring (v): phục hồi

C. destroying (v): phá huỷ

D. covering (v): che phủ

Câu hoàn chỉnh: Archaeologists are **excavating** the burial site. Surprisingly, they have found fragments of Iron Age pottery

(Các nhà khảo cổ đang khai quật địa điểm chôn cất. Thật ngạc nhiên, họ đã tìm thấy những mảnh đồ gốm thời kỳ đồ sắt)

Chọn A

15. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

_____ roofs are an important advancement in stadium design because they provide superior protection against inclement weather.

(Mái che _____ là một bước tiến quan trọng trong thiết kế sân vận động vì chúng cung cấp khả năng bảo vệ vượt trội trước thời tiết khắc nghiệt.)

Lời giải chi tiết:

- A. Distinctive (adj): đặc biệt
- B. Accidental (adj): tình cờ
- C. Stunning (adj): làm choáng
- D. Retractable (adj): có thể thu vào

Câu hoàn chỉnh: **Retractable** roofs are an important advancement in stadium design because they provide superior protection against inclement weather.

(Mái che có thể thu vào là một tiến bộ quan trọng trong thiết kế sân vận động vì chúng có khả năng bảo vệ vượt trội trước thời tiết khắc nghiệt.)

Chọn D

16. A

Phương pháp:

Dựa vào danh từ đếm được số nhiều “coffee shops”, nghĩa và cách dùng của các lượng từ để chọn đáp án đúng.

I don't think there are _____ coffee shops in front of the Church.

(Tôi không nghĩ là có _____ quán cà phê ở phía trước Nhà thờ.)

Lời giải chi tiết:

- A. any (bất kì) + danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được => dùng trong câu phủ định hoặc câu hỏi
- B. a lot + OF + danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được => loại do thiếu “of”
- C. few (rất ít) + danh từ đếm được số nhiều => không phù hợp về nghĩa => loại
- D. some (một vài) + danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được => dùng trong câu phủ định hoặc câu hỏi => loại do đây là câu phủ định

Câu hoàn chỉnh: I don't think there are **any** coffee shops in front of the Church.

(Tôi không nghĩ là có bất kì quán cà phê nào ở phía trước Nhà thờ.)

Chọn A

17. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dựa vào cấu trúc trúc chuyển từ bị động sang chủ động với động từ khiếm khuyết “can” để chọn đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc bị động với “can” (có thể): S + can + be + V3/ed + trạng ngữ chỉ nơi chốn + (by O). [trong đó, (by O) có thể lược bỏ nếu O là I, you,...]

=> Cấu trúc chủ động với “can”: O + can + Vo (nguyên thể) + S + trạng ngữ chỉ nơi chốn.

Which one below is the active form of the following sentence: “**Most talented skaters can be seen here.**”
(Câu nào dưới đây là dạng chủ động của câu: “**Những vận động viên trượt băng tài năng nhất có thể được nhìn thấy ở đây.**”)

A. You can be seen most talented skaters here. => sai động từ khiếm khuyết ở dạng bị động
(Bạn có thể được thấy những vận động viên trượt băng tài năng nhất ở đây.)

B. Most talented skaters can see you here. => không tương đồng về nghĩa
(Những người trượt băng tài năng nhất có thể nhìn thấy bạn ở đây.)

C. You can see most talented skaters here. => đúng
(Bạn có thể thấy những vận động viên trượt băng tài năng nhất ở đây.)

D. Most talented skaters can be seen you here. => sai vì là câu bị động và không tương đồng về nghĩa
(Hầu hết những vận động viên trượt băng tài năng được nhìn thấy bạn ở đây.)

Chọn C

18. A

Phương pháp:

- Dịch câu đề bài để hiểu ngữ cảnh của đoạn hội thoại.
- Dịch nghĩa các đáp án để chọn được câu phản hồi phù hợp nhất với lượt lời đã cho.

Lời giải chi tiết:

Olivia: Trong bức ảnh đầu tiên, có một vài cây cao trong công viên. - Robert: _____

- A. Ngược lại, trong bức ảnh này, có rất nhiều cây cao trong công viên.
- B. Hai bức ảnh này cho thấy cùng một khu phố của thành phố.
- C. Có lẽ, đây là công viên duy nhất của thành phố có làn đường dành cho xe đạp.
- D. Công viên đã được cải tạo gần đây vì tôi không thể nhìn thấy bất kỳ cây nào.

Chọn A

19. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Don't forget to bring insect repellent to _____ the mosquitoes.

(Đừng quên mang theo thuốc chống côn trùng để _____ muỗi.)

Lời giải chi tiết:

- A. pack up (phr.v): thu dọn đồ đạc
- B. ward off (phr.v): xua đuổi

C. set off (phr.v): khởi hành

D. turn out (phr.v): hoá ra

Câu hoàn chỉnh: Don't forget to bring insect repellent to **ward off** the mosquitoes.

(Đừng quên mang theo thuốc chống côn trùng để đuổi muỗi.)

Chọn B

20. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

_____ a roller coaster feels like you are on top of the world with the wind rushing through your hair.

(_____ tàu lượn siêu tốc mang lại cho bạn cảm giác như đang ở trên đỉnh thế giới với làn gió thổi qua mái tóc.)

Lời giải chi tiết:

A. Driving (v): lái xe

B. Riding (v): cưỡi, lái

C. Flying (v): bay

D. Running (v): chạy

Câu hoàn chỉnh: **Riding** a roller coaster feels like you are on top of the world with the wind rushing through your hair.

(Đi tàu lượn siêu tốc mang lại cho bạn cảm giác như đang ở trên đỉnh thế giới với làn gió thổi qua mái tóc.)

Chọn B

21. C

Phương pháp:

Dựa vào động từ "said" để biết cấu trúc câu là câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật "said" ở thì quá khứ.

James said he _____ do _____ exercise.

(James nói rằng anh ấy _____ làm _____ bài tập.)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật "said" ở thì quá khứ: S1 + said + S2 + V(lùi thì) + O.

Các từ cần biến đổi cho phù hợp với câu kể:

- can (V1) => could (V2)

- this (nay) => that (đó)

Câu hoàn chỉnh: James said he **could** do **that** exercise.

(James nói anh ấy có thể làm bài tập đó.)

Chọn C

22. C

Phương pháp:

Dựa vào động từ “said” để biết cấu trúc câu là câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật “said” ở thì quá khứ.

Tanya said that she _____ a slice of pizza.

(Tanya nói rằng cô ấy _____ một miếng pizza.)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật “said” ở thì quá khứ: S + said + S + V(lùi thì) + O.

Động từ “want” (muốn) ở thì hiện tại cần lùi thành “wanted” (thì quá khứ đơn V2/ed).

Câu hoàn chỉnh: Tanya said that she **wanted** a slice of pizza.

(Tanya nói rằng cô ấy muốn một miếng pizza)

Chọn C

23. A

Phương pháp:

Quan sát biển báo và dịch nghĩa của các đáp án để chọn được đáp án phù hợp nhất với biển báo.

Lời giải chi tiết:

Biển báo này ghi gì?

- A. Cấm chụp ảnh bằng đèn flash.
- B. Cho phép chụp ảnh bằng đèn flash.
- C. Không cấm chụp ảnh bằng đèn flash.
- D. Cho phép chụp ảnh bằng đèn flash.

Chọn A

24. B

Phương pháp:

Quan sát thông báo và dịch nghĩa của các đáp án để chọn được đáp án phù hợp nhất với thông báo.

THÔNG BÁO:

Are you a fan of Jazz?

Central theme: the 1920s, Jazz Age

Food and drinks: Available at a reasonable price

Gift shop: At the entrance

Tam dịch

Bạn có phải là người hâm mộ nhạc Jazz không?

Chủ đề chính: thập niên 1920, Thời đại nhạc Jazz

Đồ ăn và đồ uống: Có bán với giá cả phải chăng

Cửa hàng quà tặng: Tại lối vào

Lời giải chi tiết:

Thông báo nói gì?

- A. Bạn có thể mua vé tham dự sự kiện tại lối vào.
- B. Bạn có thể thưởng thức âm nhạc từ Thời đại nhạc Jazz vào những năm 1920.
- C. Đồ ăn và đồ uống được bao gồm trong vé.
- D. Đồ ăn và đồ uống sẽ được bán tại cửa hàng quà tặng.

Chọn B

25. C**Phương pháp:**

Dựa vào danh từ chỉ vật “disorder”, động từ “causes”, nghĩa và cách dùng các đại từ quan hệ để chọn đáp án đúng.

Claustrophobia is an anxiety disorder (25) _____ causes an intense fear of enclosed spaces.

(Hội chứng sợ không gian hẹp là một chứng rối loạn lo âu (25) _____ gây ra nỗi sợ hãi dữ dội về không gian kín.)

Lời giải chi tiết:

- A. where: *nơi mà* => thay cho từ chỉ nơi chốn => loại
- B. of which: *của cái mà* => không phù hợp về nghĩa => loại
- C. that: *cái mà* => thay cho danh từ chỉ vật, làm chủ ngữ => đúng
- D. whose: *cái mà có* => thay cho tính từ sở hữu, đứng trước danh từ => loại

Câu hoàn chỉnh: Claustrophobia is an anxiety disorder **that** causes an intense fear of enclosed spaces.

(Hội chứng sợ không gian hẹp là một chứng rối loạn lo âu cái mà gây ra nỗi sợ hãi dữ dội ở những không gian kín.)

Chọn C

26. B**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

If you get very nervous or upset when you're in a tight place, like a/an (26) _____ or a crowded room, you might have claustrophobia.

(Nếu bạn cảm thấy rất lo lắng hoặc khó chịu khi ở một nơi chật hẹp, như một (26) _____ hoặc một căn phòng đông đúc, bạn có thể mắc chứng sợ không gian hẹp.)

Lời giải chi tiết:

- A. escalator (n): thang cuốn
- B. elevator (n): thang máy
- C. travelator (n): xe đẩy

D. staircase (n): cầu thang

Câu hoàn chỉnh: If you get very nervous or upset when you're in a tight place, like an **elevator** or a crowded room, you might have claustrophobia.

(Nếu bạn cảm thấy rất lo lắng hoặc khó chịu khi ở nơi chật hẹp, như trong thang máy hoặc một căn phòng đông người, thì bạn có thể mắc chứng sợ không gian hẹp.)

Chọn B

27. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

No matter where claustrophobia pops up for you, you can overcome it (27) _____ the right treatment.

(Bất kể chứng sợ không gian hẹp xuất hiện ở đâu, bạn đều có thể vượt qua nó (27) _____ bằng cách điều trị đúng cách.)

Lời giải chi tiết:

- A. with: với
- B. from: từ
- C. for: cho
- D. at: ở

Câu hoàn chỉnh: No matter where claustrophobia pops up for you, you can overcome it **with** the right treatment.

(Bất kể chứng sợ không gian hẹp xuất hiện ở đâu, bạn đều có thể khắc phục với phương pháp điều trị phù hợp.)

Chọn A

28. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án, phân biệt nghĩa của tính từ chủ động (V-ing) và tính từ bị động (Ved) và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

These feelings can be very (28) _____, even if you're not really in danger.

(Những cảm xúc này có thể rất (28) _____, ngay cả khi bạn không thực sự gặp nguy hiểm.)

Lời giải chi tiết:

- A. frightening (adj): đáng sợ => tính từ chủ động, miêu tả tính chất/ đặc điểm
- B. frightened (adj): bị sợ hãi => tính từ bị động, miêu tả cảm xúc (chủ ngữ thường là người)
- C. boring (adj): gây chán nản => tính từ chủ động, miêu tả tính chất/ đặc điểm
- D. bored (adj): bị chán nản => tính từ bị động, miêu tả cảm xúc (chủ ngữ thường là người)

Câu hoàn chỉnh: These feelings can be very **frightening**, even if you're not really in danger.

(Những cảm giác này có thể rất đáng sợ, ngay cả khi bạn không thực sự gặp nguy hiểm.)

Chọn A

29. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Panic attacks are intense and (29) _____ last 5-30 minutes.

(Các cơn hoảng loạn rất dữ dội và (29) _____ kéo dài 5-30 phút.)

Lời giải chi tiết:

A. should: nên

B. must: phải

C. can: có thể

D. need: cần

Câu hoàn chỉnh: Panic attacks are intense and **can** last 5-30 minutes.

(Các cơn hoảng loạn rất dữ dội và có thể kéo dài từ 5-30 phút.)

Chọn C

30. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

If you're not sure whether your problems come from anxiety or a heart problem, (30) _____ medical help.

(Nếu bạn không chắc chắn liệu vấn đề của mình xuất phát từ sự lo lắng hay vấn đề về tim, (30) _____ sự trợ giúp y tế.)

Lời giải chi tiết:

A. get (v): nhận

B. have (v): có

C. make (v): làm

D. give (v): đưa

Câu hoàn chỉnh: If you're not sure whether your problems come from anxiety or a heart problem, **get** medical help.

(Nếu bạn không chắc chắn liệu vấn đề của mình là do lo lắng hay do bệnh tim, hãy tìm kiếm sự trợ giúp y tế.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

Claustrophobia is an anxiety disorder (25) **that** causes an intense fear of enclosed spaces. If you get very nervous or upset when you're in a tight place, like a/an (26) **elevator** or a crowded room, you might have claustrophobia. Some people have claustrophobia symptoms when they're in all types of closed-up areas. Others notice the problem only when they're in certain cramped spaces, like inside an MRI machine. No matter where claustrophobia pops up for you, you can overcome it (27) **with** the right treatment. You may also feel a sense of doom, like you're going to die or the world is going to end. These feelings can be very (28) **frightening**, even if you're not really in danger. And though you might realize that the fear isn't rational, you may not be able to stop it. Panic attacks are intense and (29) **can** last 5-30 minutes. Along with shortness of breath and sweating, you may also have chest pain and tightness. These are also the symptoms of a heart attack. If you're not sure whether your problems come from anxiety or a heart problem, (30) **get** medical help.

Tạm dịch

Claustrophobia là một rối loạn lo âu (25) cái mà gây ra nỗi sợ hãi dữ dội về không gian kín. Nếu bạn trở nên rất lo lắng hoặc khó chịu khi ở trong một nơi chật hẹp, như (26) thang máy hoặc một căn phòng đông đúc, bạn có thể mắc chứng sợ không gian hẹp. Một số người có triệu chứng sợ không gian hẹp khi họ ở trong mọi loại không gian kín. Những người khác chỉ nhận thấy vấn đề khi họ ở trong một số không gian chật hẹp nhất định, như bên trong máy chụp cộng hưởng từ. Bất kể chứng sợ không gian hẹp xuất hiện ở đâu, bạn đều có thể vượt qua nó (27) với phương pháp điều trị phù hợp. Bạn cũng có thể cảm thấy một cảm giác diệt vong, như thể bạn sắp chết hoặc thế giới sắp kết thúc. Những cảm giác này có thể rất (28) đáng sợ, ngay cả khi bạn không thực sự gặp nguy hiểm. Và mặc dù bạn có thể nhận ra rằng nỗi sợ hãi là không hợp lý, nhưng bạn có thể không thể ngăn chặn nó. Các cơn hoảng loạn rất dữ dội và (29) có thể kéo dài 5-30 phút. Cùng với khó thở và đổ mồ hôi, bạn cũng có thể bị đau ngực và tức ngực. Đây cũng là những triệu chứng của cơn đau tim. Nếu bạn không chắc chắn liệu vấn đề của mình xuất phát từ sự lo lắng hay vấn đề về tim, (30) hãy tìm kiếm sự trợ giúp y tế.

Bài đọc hiểu:**NOTRE DAME CATHEDRAL OF SAIGON**

The front of the church turns to the Southeast, towards Nguyen Du Street, the back heads to the current Le Duan Street. The construction was done fairly quickly, nearly 3 years. On 11th April 1880, a blessing ceremony and inauguration ceremony of Saigon Cathedral was solemnly celebrated by Bishop Colombert with the participation of Cochinchina Governor – Charles Le Myre de Vilers. All construction materials for the church such as cement, steel, tile, stained glass, bells, etc. were all transported from France. The outside of the buildings, for instance, was built totally of red bricks from Marseille without being plastered or cemented. However, it still remains a fresh orange-red color until today. In the beginning, the Church was called the State Church, because all the construction funding was provided by the French State, with an amount of up to 2,500,000 francs at that time. In 1895, the Church built two more bell towers, each tower was 57.6 meters high and had 6 large copper bells. In 1958, the governor of the Saigon at that time, Father Joseph Pham

Van Thien, ordered a statue of the Mother of Peace on white marble. The statue was carved in Italy and transported to Saigon by sea in 1959. After that, Société d'Entreprises Company erected a statue of Our Lady on a stone pedestal that has been empty since 1945 in front of the church. At the end of the ceremony of the National Congregation of the Holy Mother, Cardinal Aganianian from Rome blessed the statue in the afternoon of 17th February 1959. From this event, the Church was named Notre Dame Cathedral.

Tam dịch

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ SÀI GÒN

Mặt trước của nhà thờ quay về hướng Đông Nam, phía đường Nguyễn Du, còn mặt sau hướng về đường Lê Duẩn ngày nay. Việc xây dựng được tiến hành khá nhanh, kéo dài gần 3 năm. Vào ngày 11 tháng 4 năm 1880, lễ ban phép lành và lễ khánh thành Nhà thờ Sài Gòn đã được tổ chức trọng thể dưới sự chủ trì của Giám mục Colombert, cùng với sự tham dự của Thống đốc Nam Kỳ – Charles Le Myre de Vilers. Tất cả các vật liệu xây dựng cho nhà thờ như xi măng, thép, ngói, kính màu, chuông, ... đều được vận chuyển từ Pháp sang. Phần bên ngoài của các công trình, ví dụ như mặt tường, được xây hoàn toàn bằng gạch đỏ từ Marseille mà không trát vữa hay phủ xi măng. Tuy vậy, đến ngày nay màu đỏ cam tươi sáng của gạch vẫn còn được giữ nguyên. Ban đầu, nhà thờ được gọi là “Nhà thờ Nhà nước”, vì toàn bộ kinh phí xây dựng do chính phủ Pháp tài trợ, với tổng số tiền lên đến 2.500.000 franc vào thời điểm đó. Năm 1895, nhà thờ xây thêm hai tháp chuông, mỗi tháp cao 57,6 mét và có 6 chiếc chuông lớn bằng đồng. Năm 1958, cha Joseph Phạm Văn Thiên – lúc bấy giờ là Giám đốc Giáo phận Sài Gòn – đã đặt làm một bức tượng Đức Mẹ Hòa Bình bằng đá cẩm thạch trắng. Bức tượng được tạc tại Ý và vận chuyển bằng đường biển về Sài Gòn vào năm 1959. Sau đó, Công ty Société d'Entreprises đã dựng tượng Đức Mẹ lên một bệ đá trống đã để không từ năm 1945, phía trước nhà thờ. Vào cuối buổi lễ của Đại hội Công giáo Toàn quốc kính Đức Mẹ, Hồng y Aganianian đến từ Roma đã làm phép cho bức tượng vào chiều ngày 17 tháng 2 năm 1959. Kể từ sự kiện đó, nhà thờ được đặt tên là Nhà thờ Đức Bà (Notre Dame Cathedral).

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

31. B

The front of the Church turns to the South of Nguyen Du Street and the back heads to the East of Le Duan Street.

(Mặt trước của Nhà thờ quay về phía Nam đường Nguyễn Du và mặt sau quay về phía Đông đường Lê Duẩn.)

Thông tin: The front of the church turns to the Southeast, towards Nguyen Du Street, the back heads to the current Le Duan Street.

(Mặt trước của nhà thờ quay về phía Đông Nam, hướng về đường Nguyễn Du, mặt sau quay về đường Lê Duẩn hiện tại.)

Chọn B

32. A

The Church was under construction for almost 3 years.

(Nhà thờ được xây dựng trong gần 3 năm.)

Thông tin: The construction was done fairly quickly, nearly 3 years.

(Việc xây dựng được thực hiện khá nhanh, gần 3 năm.)

Chọn A

33. B

The materials which were used to construct the Church were transported from France, except for the red bricks.

(Vật liệu dùng để xây dựng Nhà thờ được vận chuyển từ Pháp, ngoại trừ gạch đỏ.)

Thông tin: All construction materials for the church such as cement, steel, tile, stained glass, bells, etc. were all transported from France. The outside of the buildings, for instance, was built totally of red bricks from Marseille without being plastered or cemented.

(Tất cả vật liệu xây dựng cho nhà thờ như xi măng, thép, ngói, kính màu, chuông, v.v. đều được vận chuyển từ Pháp. Ví dụ, bên ngoài các tòa nhà được xây dựng hoàn toàn bằng gạch đỏ từ Marseille mà không cần trát hoặc xi măng.)

Chọn B

34. A

The statue of the Mother of Peace was made from white marble.

(Tượng Đức Mẹ Hòa bình được làm bằng đá cẩm thạch trắng.)

Thông tin: In 1958, the governor of the Saigon at that time, Father Joseph Pham Van Thien, ordered a statue of the Mother of Peace on white marble.

(Năm 1958, thống đốc Sài Gòn lúc bấy giờ là Linh mục Giuse Phạm Văn Thiên đã ra lệnh tạc tượng Đức Mẹ Hòa bình bằng đá cẩm thạch trắng.)

Chọn A

35. A

Why was the Church initially called the State Church?

(Tại sao ban đầu Nhà thờ được gọi là Nhà thờ Nhà nước?)

A. Because the French State fully provided financial support to construct the Church.

(Vì Nhà nước Pháp hỗ trợ toàn bộ tài chính để xây dựng Nhà thờ.)

B. Because the construction of the Church cost up to 2,500,000 francs.

(Vì chi phí xây dựng Nhà thờ lên tới 2.500.000 franc.)

C. Because a Cardinal from Rome blessed the statue in front of the Church.

(Vì một Hồng y từ Rome đã ban phước cho bức tượng trước Nhà thờ.)

D. Because the color of the Church still remains a fresh orange-red color until today.

(Vì màu sắc của Nhà thờ vẫn giữ nguyên màu đỏ cam tươi cho đến ngày nay.)

Thông tin: In the beginning, the Church was called the State Church, because all the construction funding was provided by the French State, with an amount of up to 2,500,000 francs at that time.

(Ban đầu, Nhà thờ được gọi là Nhà thờ Nhà nước, vì toàn bộ kinh phí xây dựng đều do Nhà nước Pháp cung cấp, với số tiền lên tới 2.500.000 franc vào thời điểm đó.)

Chọn A

36. D

When was the Church named Notre Dame Cathedral?

(Nhà thờ được đặt tên là Nhà thờ Đức Bà khi nào?)

A. After the blessing ceremony and the inauguration ceremony in 1880.

(Sau lễ ban phép lành và lễ khánh thành năm 1880.)

B. After the Church built two more bell towers in 1895.

(Sau khi Nhà thờ xây thêm hai tháp chuông vào năm 1895.)

C. After Father Joseph Pham Van Thien ordered the Statue in 1945.

(Sau khi Linh mục Giuse Phạm Văn Thiên ra lệnh dựng Tượng vào năm 1945.)

D. After Cardinal Aganianian blessed the Statue of the Mother of Peace in 1959.

(Sau khi Đức Hồng y Aganianian làm phép Tượng Mẹ Hòa bình vào năm 1959.)

Thông tin: At the end of the ceremony of the National Congregation of the Holy Mother, Cardinal Aganianian from Rome blessed the statue in the afternoon of 17th February 1959. From this event, the Church was named Notre Dame Cathedral.

(Vào cuối buổi lễ của Hội Thánh Đức Mẹ Toàn quốc, Đức Hồng y Aganianian từ Roma đã làm phép tượng vào buổi chiều ngày 17 tháng 2 năm 1959. Từ sự kiện này, Nhà thờ được đặt tên là Nhà thờ Đức Bà.)

Chọn D

37.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu ngữ cảnh.

- Dựa trên những từ được cho và liên hệ với kiến thức đã học để xác định cấu trúc cần áp dụng liên quan đến câu bị động thì tương lai đơn có chứa cụm động từ chứa “out”.

Lời giải chi tiết:

- Cụm động từ “carry out” = conduct (v): tiến hành

- Cấu trúc chuyển từ câu chủ động sang câu bị động thì tương lai đơn:

Chủ động: S + will + V_o (nguyên thể) + O + trạng ngữ chỉ thời gian.

=> Bị động: O + will + be + V_{3/ed} + by S + trạng ngữ chỉ thời gian.

Dr. Stevens will conduct DNA tests next month.

(Tiến sĩ Stevens sẽ tiến hành xét nghiệm DNA vào tháng tới.)

Câu hoàn chỉnh: **DNA tests will be carried out by Dr. Stevens next month.**

(Các xét nghiệm ADN sẽ được tiến hành bởi Tiến sĩ Stevens vào tháng sau.)

Đáp án: will be carried out by Dr. Stevens next month.

38.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu để bài để hiểu ngữ cảnh.
- Dựa trên những từ được cho và liên hệ với kiến thức đã học để xác định cấu trúc cần áp dụng liên quan đến biến đổi câu bị động sang câu chủ động thì quá khứ đơn.

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc chuyển từ câu bị động sang câu chủ động thì quá khứ đơn:

Bị động: S + was + V3/ed + cụm động từ chỉ mục đích (TO Vo)

=> Chủ động: They + V2/ed + S + cụm động từ chỉ mục đích (TO Vo)

Wembley Stadium was built to replace the original Wembley Stadium.

(Sân vận động Wembley được xây dựng để thay thế sân vận động Wembley ban đầu.)

Câu hoàn chỉnh: **They built Wembley Stadium to replace the original Wembley Stadium.**

(Họ đã xây dựng sân vận động Wembley để thay thế sân vận động Wembley ban đầu.)

Đáp án: built Wembley Stadium to replace

39.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu để bài để hiểu ngữ cảnh.
- Dựa trên những từ được cho và liên hệ với kiến thức đã học để xác định cấu trúc cần áp dụng liên quan đến câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật “told”.

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật “told”: S + told + O + that + S + V(lùi thì).
- Các đối tượng cần đổi trong câu tường thuật:

I => he

will give => would give

tomorrow => the next day/ the following day/ the day after

“I will give you a call tomorrow,” Tony said.

(“Tôi sẽ gọi điện cho bạn vào ngày mai,” Tony nói.)

Câu hoàn chỉnh: **Tony told us that he would give us a call the next day/ the following day/ the day after.**

(Tony nói với chúng tôi rằng anh ấy sẽ gọi điện cho chúng tôi vào ngày hôm sau.)

Đáp án: he would give us a call the next day/ the following day/ the day after.

40.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu để bài để hiểu ngữ cảnh.
- Dựa trên những từ được cho và liên hệ với kiến thức đã học để xác định cấu trúc cần áp dụng liên quan đến câu tường thuật dạng hỏi Wh- với động từ tường thuật “asked”.

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc câu tường thuật dạng hỏi với động từ tường thuật “asked”: S + asked + O + Wh- + S + V(lùi thì).

- Các đối tượng cần đổi trong câu tường thuật:

is (V1) => was (V2)

“Why is she crying?” Brendan asked.

(“Tại sao cô ấy khóc?” Brendan hỏi.)

Câu hoàn chỉnh: **Brendan asked me why she was crying.**

(Brendan hỏi tôi tại sao cô ấy khóc.)

Đáp án: why she was crying